

Phát triển công nghiệp nông thôn Hàn Quốc và những kinh nghiệm cho công nghiệp hóa nông thôn Việt Nam

TRẦN THỌ ĐẠT
LÊ QUANG CẢNH

*T*hành tựu phát triển kinh tế của Hàn Quốc là kết quả của sự kết hợp hài hòa nhiều chính sách, trong đó có phát triển công nghiệp nông thôn. Với bước đi thích hợp, từ chương trình phát triển kinh doanh nhỏ trong các hộ nông nghiệp nông thôn, tới nhà máy Saemau, và phát triển các khu cụm công nghiệp nông thôn, bộ mặt nông thôn của Hàn Quốc đã thay đổi nhanh chóng. Cùng với quá trình công nghiệp hóa, phát triển công nghiệp nông thôn đã đảm bảo sự phát triển cân đối giữa khu vực nông thôn và thành thị, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa của Hàn Quốc. Bài viết tìm hiểu sự phát triển công nghiệp nông thôn của Hàn Quốc, nghiên cứu các chính sách, phân tích những thành công và nhược điểm của các chính sách phát triển công nghiệp nông thôn mà Hàn Quốc đã thực thi. Trên cơ sở đó, nêu một số gợi ý cho quá trình phát triển công nghiệp nông thôn trong bối cảnh công nghiệp hóa nông thôn ở Việt Nam.

1. Phát triển công nghiệp nông thôn ở Hàn Quốc

Sau chiến tranh Triều Tiên, nền kinh tế Hàn Quốc là một nền kinh tế nông nghiệp kém phát triển với hơn 2/3 lực lượng lao động làm việc trong ngành này. Các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, vốn đã ít ỏi, lại bị phá hủy bởi chiến tranh¹. Điều này khiến cho kinh tế Hàn Quốc sau chiến tranh rất mong manh và yếu ớt. Thêm vào đó, sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp đã làm cho khoảng cách giữa khu vực nông nghiệp và công nghiệp hoặc giữa khu vực nông thôn và thành thị gia tăng. Sự khác biệt về thu nhập này dẫn tới sự di cư mạnh mẽ từ nông thôn ra thành thị gây các sức ép kinh tế - xã hội ở khu vực thành thị, đồng thời đặt vấn đề về sự phát triển của khu vực nông thôn và phát triển cân đối ở Hàn Quốc. Ngoài ra, các nhà kế hoạch Hàn Quốc đã lựa chọn con đường phát triển dựa trên sự tăng trưởng cân bằng giữa các ngành trong nền kinh tế, giữa các khu vực, giữa trong nước và ngoài nước. Mục tiêu này

dòi hỏi Chính phủ Hàn Quốc phải giải quyết được mối quan hệ giữa khu vực nông thôn và thành thị trong quá trình phát triển, và phát triển công nghiệp nông thôn là giải pháp được lựa chọn cho mục tiêu này.

1.1 Tăng trưởng số lượng doanh nghiệp công nghiệp nông thôn

Sự tăng trưởng số lượng doanh nghiệp công nghiệp ở khu vực nông thôn Hàn Quốc sau khi thực hiện chủ trương công nghiệp hóa nông thôn là đáng khích lệ; tỷ lệ tăng trưởng bình quân năm của các doanh nghiệp công nghiệp nông thôn là khá cao. Theo số liệu thống kê các doanh nghiệp công nghiệp đã đăng ký trên địa bàn nông thôn năm 1977, tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp công nghiệp nông thôn đạt tới 14,7% trong suốt giai đoạn từ 1960-1977.

Trần Thọ Đạt, GS.TS.; Lê Quang Cảnh.TS., Trường đại học Kinh tế quốc dân.

1. Năm 1960, khu vực công nghiệp chỉ chiếm 17% GDP và 7,5% lao động của Hàn Quốc.

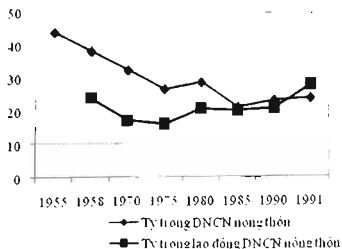
BẢNG 1: Doanh nghiệp công nghiệp nông thôn Hàn Quốc, giai đoạn 1960-1977

Thời gian	Số lượng doanh nghiệp	Tổng tích lũy (số DN)	Tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng trưởng bình quân năm (%)
Trước 1960	337	337	9,7	
1961-1970	902	1239	25,9	13,9
1971-1976	1812	3051	52,0	19,7
1977	435	3486	12,5	14,3
<i>Tổng</i>	<i>3486</i>		<i>100</i>	<i>14,7</i>

Nguồn: Choe (1978).

Trong tổng số 3.486 doanh nghiệp công nghiệp nông thôn vào năm 1977, chỉ có 9,7% được thành lập trước năm 1960, 25,9% được thành lập trong những năm 1960, còn lại 64,5% được thành lập trong bảy năm từ 1971-1977, và nếu tính từ khi quá trình công nghiệp hóa nông thôn bắt đầu, con số này lên đến 75,9%. Nếu căn cứ vào tốc độ tăng trưởng bình hàng năm, rõ ràng là sau khi thực hiện phát triển công nghiệp nông

HÌNH 1: Tỷ trọng doanh nghiệp công nghiệp và lao động doanh nghiệp công nghiệp Hàn Quốc, 1955-1991



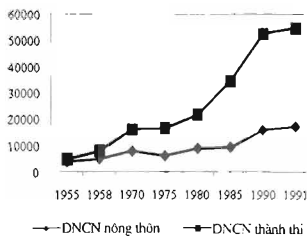
Nguồn: Bộ Công thương Hàn Quốc (1993)

Từ kết quả này cho thấy số lượng doanh nghiệp công nghiệp nông thôn của Hàn Quốc tăng nhanh, nhất là sau năm 1967 khi Hàn Quốc bắt đầu khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn. Trong giai đoạn 1975-1980, tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp công nghiệp nông thôn cao

hơn tốc độ tăng trưởng của các doanh nghiệp công nghiệp nông thôn cao hơn nhiều so với tốc độ trung bình của giai đoạn trước.

Theo kết quả tổng hợp khảo sát các doanh nghiệp công nghiệp và khai khoáng của Bộ Công thương Hàn Quốc năm 1993, số lượng doanh nghiệp công nghiệp và khai khoáng ở khu vực nông thôn ngày càng tăng lên và giải quyết ngày càng nhiều lao

HÌNH 2: Số lượng doanh nghiệp công nghiệp nông thôn và thành thị Hàn Quốc, 1955-1991



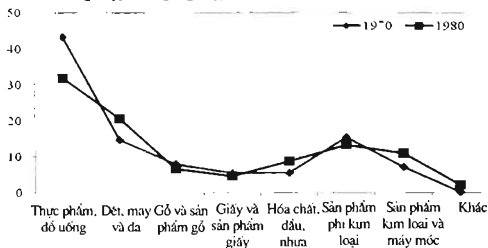
hơn tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp công nghiệp đô thị, làm cho tỷ trọng của doanh nghiệp công nghiệp nông thôn trong tổng số doanh nghiệp công nghiệp tăng lên và kéo theo tỷ trọng lao động trong doanh nghiệp công nghiệp nông thôn cũng tăng lên.

1.2. Ngành nghề sản xuất của các doanh nghiệp công nghiệp nông thôn Hàn Quốc

Doanh nghiệp công nghiệp nông thôn Hàn Quốc sản xuất tập trung ở một số

ngành cơ bản. Sự phân bố các doanh nghiệp công nghiệp nông thôn trong các ngành ở hai năm 1970 và 1980 được thể hiện trong hình 3.

HÌNH 3: Phân bố doanh nghiệp công nghiệp nông thôn Hàn Quốc, năm 1970 và năm 1980



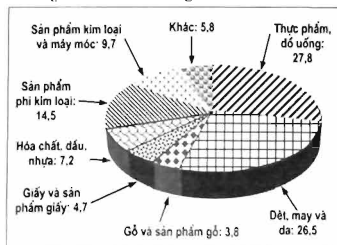
Nguồn: Tổng hợp từ Kim (1983) và Choe và Kim (1981).

Có thể thấy rõ ràng các doanh nghiệp công nghiệp ở khu vực nông thôn Hàn Quốc tập trung phần lớn ở các ngành liên quan tới nông nghiệp hoặc các ngành sử dụng nhiều lao động. Chẳng hạn, các doanh nghiệp liên quan tới chế biến lương thực thực phẩm và đồ uống chiếm tới 43,4% tổng số doanh nghiệp công nghiệp hoạt động ở khu vực nông thôn, còn các ngành sử dụng nhiều lao động như dệt may, giấy da,... chiếm 14,8% ở năm 1970. Các con số này ở năm 1980 lần lượt là 32,0% và 20,8%. Nếu tính chung 3

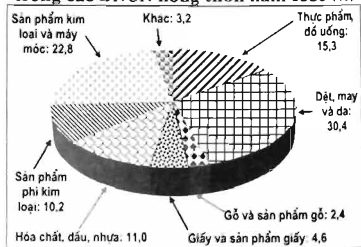
ngành công nghiệp lớn nhất đối với công nghiệp nông thôn thì có 73,6% và 66,3% doanh nghiệp công nghiệp nông thôn tập trung ở ba ngành này tính theo các năm 1970 và 1980.

Khi xem xét các doanh nghiệp công nghiệp nông thôn theo lao động sử dụng ở khu vực nông thôn, kết quả cũng cho thấy ngành liên quan tới lương thực thực phẩm, đồ uống, dệt may, da giấy,... là những ngành công nghiệp phù hợp cho phát triển công nghiệp nông thôn.

HÌNH 4: Tỷ trọng lao động nông thôn trong các DNCN nông thôn năm 1970 (%)



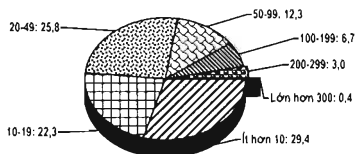
HÌNH 5: Tỷ trọng lao động nông thôn trong các DNCN nông thôn năm 1980 (%)



Nguồn: Tổng hợp từ Kim (1983) và Choe và Kim (1981).

Đối với Hàn Quốc, các ngành ngày này sử dụng tới 54,3% và 45,7% tổng lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp nông thôn tính theo các năm 1970 và 1980. Tuy nhiên, do sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp sản xuất máy móc, riêng ngành này đã tăng tỷ trọng từ 9,7% năm 1970 lên 22,8% vào năm 1980. Điều này dẫn tới các ngành dệt may, giấy da và công nghiệp sản xuất máy móc chiếm tới 53,2% lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp nông thôn Hàn Quốc vào năm 1980.

HÌNH 1: Cơ cấu DNCN nông thôn Hàn Quốc theo quy mô lao động năm 1977



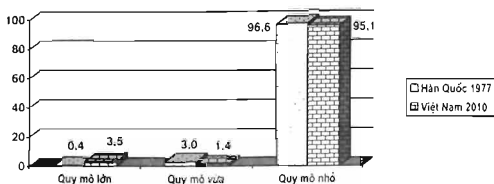
Nguồn: Số liệu được trích dẫn từ Choe và Kim (1981).

Theo Choe và Kim (1981), quy mô doanh nghiệp công nghiệp nông thôn trung bình có 40,8 lao động vào năm 1977, lớn hơn quy mô trung bình doanh nghiệp công nghiệp nông thôn năm 1964 là 3,3 lần. Xét tỷ trọng doanh nghiệp công nghiệp nông thôn theo quy mô lao động, 29,4% thuộc loại doanh nghiệp có dưới 10 lao động và 96,6% tổng số doanh nghiệp công nghiệp

nông thôn có quy mô lao động dưới 200 người.

Nếu sử dụng các tiêu chuẩn về quy mô doanh nghiệp Việt Nam được quy định trong Nghị định 56/NĐ-CP ngày 30-6-2009, thì cơ cấu quy mô doanh nghiệp công nghiệp của Hàn Quốc vào năm 1977 cũng khá tương đồng với cơ cấu doanh nghiệp công nghiệp theo lao động ở Việt Nam vào năm 2010.

HÌNH 2: Cơ cấu doanh nghiệp công nghiệp nông thôn theo quy mô lao động của Hàn Quốc và Việt Nam



Nguồn: Tổng hợp từ Choe và Kim (1981) và Tổng cục Thống kê (2011).

Khi xem xét cơ cấu doanh nghiệp công nghiệp nông thôn Hàn Quốc năm 1977 theo doanh thu và vốn đầu tư, Choe và Kim (1981) cũng phát hiện phần lớn các doanh nghiệp công nghiệp nông thôn Hàn Quốc (74,8%) có quy mô vốn đầu tư nhỏ hơn 50 triệu won.

1.4. Các chương trình thúc đẩy công nghiệp nông thôn ở Hàn Quốc

Quá trình phát triển công nghiệp nông thôn của Hàn Quốc gắn với các chính sách của Chính phủ và Chính phủ Hàn Quốc đã có nhiều nỗ lực, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy quá trình này. Cần lưu ý rằng, khi thực hiện các chương trình phát triển công nghiệp nông thôn, các chính sách về công nghiệp hóa nói chung đã được thực hiện, do đó phần này chỉ tập trung phân tích các chính sách thúc đẩy công nghiệp nông thôn từ 1967 cho tới những năm của thập kỷ 1980. Các chính sách chủ yếu bao gồm: chương trình phát triển kinh doanh nhỏ trong hộ nông nghiệp, chương trình phát triển các nhà máy Saemaul, chương trình phát triển thủ công ở khu vực nông thôn và chương trình phát triển các khu, cụm công nghiệp nông thôn.

Chương trình phát triển kinh doanh nhỏ trong các hộ nông nghiệp được triển khai ở Hàn Quốc từ năm 1968. Chương trình này nhằm mục tiêu tăng thu nhập cho các hộ sản xuất nông nghiệp thông qua sản xuất nhỏ tận dụng các nguyên liệu thô sẵn có trong khu vực nông nghiệp nông thôn, thúc đẩy phát triển tiểu thủ công nghiệp. Hình thức hỗ trợ chủ yếu của chương trình này là cung cấp tín dụng ưu đãi cho các hộ gia đình xây dựng nhà máy, lắp đặt thiết bị cho các cơ sở sản xuất, và cho các cơ sở sản xuất hưởng ưu đãi về thuế thu nhập. Các cơ sở sản xuất được xây dựng trong chương trình này bao gồm: 2/3 là các hoạt động tiểu thủ công nghiệp, 1/3 còn lại là các nhà máy có quy mô nhỏ, hoạt động tương đối khép kín, tập trung ở một số lĩnh vực như dệt may và chế biến nông sản. Các cơ sở sản xuất này đã không thể tăng năng suất vì sản xuất gắn chặt với

lao động thiếu kỹ năng ở khu vực nông thôn, công nghệ lạc hậu, các điều kiện hỗ trợ không được đảm bảo. Chính vì vậy, sau một thời gian ngắn tồn tại, phần lớn các cơ sở sản xuất thuộc chương trình này đã đóng cửa, một số ít chuyển sang hình thức nhà máy Saemaul.

Chương trình nhà máy Saemaul được xây dựng nhằm thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa khu vực nông thôn và thành thị, thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa nông thôn. Các cơ sở sản xuất được lựa chọn vào chương trình được hưởng tín dụng ưu đãi cho xây dựng và hoạt động nhà máy, và ưu đãi về thuế. Các nhà máy Saemaul còn được hưởng những ưu tiên về cung cấp điện, viễn thông, các kỹ năng quản lý từ chương trình thúc đẩy phát triển công nghiệp nhỏ và vừa. Theo Kim (1983), sau 10 năm thực hiện chương trình nhà máy Saemaul, có tổng cộng 741 nhà máy Saemaul được thành lập. Các nhà máy Saemaul chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực dệt, da giày, khai khoáng phi kim loại, chế biến thực phẩm (64,4%). Như vậy, có thể thấy các nhà máy Saemaul chủ yếu sử dụng lao động giản đơn và sử dụng nhiều lao động. Chính các lao động giản đơn, năng suất thấp đã khiến các nhà máy Saemaul không có đủ sức cạnh tranh khi lương của người lao động tăng cao vào những năm 1980 và điều này khiến chương trình không được thành công như dự kiến.

Chính sách khuyến khích thủ công truyền thống dân gian được thực hiện lồng ghép cả trong chương trình phát triển kinh doanh nhỏ trong hộ gia đình nông nghiệp và chương trình nhà máy Saemaul. Các cơ sở sản xuất thủ công truyền thống này chủ yếu tập trung các ngành tiểu thủ công nghiệp và 79,4% các cơ sở này thuộc sản xuất hộ (Kim, 1983). Các chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất này bao gồm tín dụng ưu đãi, hướng dẫn các công nghệ phù hợp và kỹ năng quản lý. Tuy nhiên, không giống như các ngành công nghiệp khác, thủ công truyền thống cần bí

quyết nghề nghiệp và sử dụng các nguyên liệu đặc thù của địa phương. Do vậy, kỳ vọng thủ công truyền thống tạo việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn là rất hạn chế.

Đến đầu những năm 1980, chương trình nhà máy Saemaul bắt đầu thiếu hiệu quả vì tiến công lao động đã trở nên đắt đỏ, công nghiệp nông thôn cần chuyển hướng sang giai đoạn phát triển mới đó là xây dựng các ngành công nghiệp nông thôn sản xuất và cung cấp các cơ sở hạ tầng cần thiết cho các doanh nghiệp nông thôn phát triển. Đến năm 1983, Chính phủ Hàn Quốc đã đưa ra chính sách xây dựng khu công nghiệp nông thôn, thông qua các khu, cụm công nghiệp ở nông thôn để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa ở khu vực này. Năm 1984, Chính phủ Hàn Quốc triển khai thực hiện chương trình phát triển cơ sở hạ tầng công nghiệp ở nông thôn thay thế cho các nhà máy Saemaul. Chương trình này tập trung xây dựng và cung cấp cơ sở hạ tầng và các dịch vụ cần thiết cho môi trường kinh doanh thuận lợi ở khu vực nông thôn. Chương trình này thiết kế một hệ thống miễn giảm thuế và cung cấp tín dụng ưu đãi cho những doanh nghiệp công nghiệp nông thôn đặt nhà máy trong các khu, cụm công nghiệp nông thôn. Các khu công nghiệp nông thôn thực sự là một giải pháp hiệu quả và phát huy tác dụng đẩy nhanh phát triển công nghiệp nông thôn ở Hàn Quốc trong những năm 1980 và đầu những năm 1990.

1.5. Đánh giá về công nghiệp hóa nông thôn Hàn Quốc

Sau khi nghiên cứu sự phát triển công nghiệp nông thôn ở Hàn Quốc từ những năm 1960 đến những năm 1980, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét chung về công nghiệp nông thôn Hàn Quốc trong giai đoạn này.

Doanh nghiệp công nghiệp nông thôn chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, hoạt động trong các ngành nghề sử dụng lao động giản đơn, hoặc sử dụng nhiều lao động, hoặc sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có ở khu vực nông thôn. Các ngành chiếm tỷ trọng lớn là

công nghiệp chế biến nông sản, dệt may, da giày và khai khoáng phi kim loại.

Các chương trình thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn được thiết kế cho khu vực nông thôn, nhưng lại được tích hợp với nhiều chính sách công nghiệp hóa chung của cả nước, do đó các chính sách phát triển công nghiệp nông thôn nhận được sự cộng hưởng chính sách và mang lại hiệu quả lớn hơn.

Các chương trình, chính sách phát triển công nghiệp nông thôn được thay đổi để mang lại hiệu quả cao nhất trong từng giai đoạn. Việc chuyển từ chương trình phát triển hộ sản xuất kinh doanh nhỏ sang nhà máy Saemaul và từ nhà máy Saemaul sang các khu công nghiệp nông thôn - là những bước chuyển tiếp nhằm phát huy tối đa những ảnh hưởng của từng chương trình trong phát triển công nghiệp nông thôn và thực sự đã mang lại những thành công bước đầu trong thúc đẩy công nghiệp nông thôn ở Hàn Quốc.

Các khuyến khích chủ yếu cho công nghiệp nông thôn và các chương trình công nghiệp hóa nông thôn bao gồm: chính sách ưu đãi về tín dụng, chính sách thuế, cung cấp các dịch vụ hướng dẫn về quản lý doanh nghiệp, các hoạt động tư vấn về công nghệ,... Đây chỉ là điều kiện cần cho doanh nghiệp nông thôn phát triển và ở Hàn Quốc các khuyến khích này là thiếu tính bền vững (Kim, 1991). Trên thực tế, phần lớn cơ sở sản xuất công nghiệp trong Chương trình phát triển kinh doanh nhỏ của hộ nông nghiệp đã đóng cửa, một số ít còn tồn tại phải chuyển đổi mô hình sang nhà máy Saemaul.

Cho dù nhận được nhiều sự khuyến khích và hỗ trợ từ Chính phủ, nhưng các chương trình thúc đẩy công nghiệp nông thôn ở trong giai đoạn ban đầu của quá trình công nghiệp hóa nông thôn Hàn Quốc không thu được nhiều thành công như kỳ vọng. Lý do của sự kém thành công của quá trình công nghiệp hóa nông thôn trong giai đoạn này tập trung ở mấy điểm sau:

Sự thiếu vắng nguồn lao động có chất lượng ở khu vực nông thôn. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng có nhiều nhà máy Saemaul không thể tuyển được những lao động có chất lượng ở trên địa bàn, do đó công suất hoạt động chỉ đạt dưới 80% (Kim, 1991).

Các chính sách thúc đẩy công nghiệp nông thôn Hàn Quốc không cung cấp được các cơ sở hạ tầng và dịch vụ cần thiết để giữ, thu hút lao động và các nguồn lực khác về khu vực nông thôn. Ví dụ, trong chương trình nhà máy Saemaul, Chính phủ đầu tư quá nhiều vào các cơ sở hạ tầng kết nối khu vực nông thôn với thành thị, nhưng lại có rất ít nguồn lực sử dụng cho việc phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng ở nông thôn và kết nối các vùng nông thôn. Điều này làm cho tăng chi phí vận tải trong các cơ sở sản xuất công nghiệp ở vùng nông thôn hay các nhà máy Saemaul.

Các dịch vụ cần thiết như: ngân hàng, marketing, thông tin,... không được cung cấp một cách đầy đủ và có chất lượng. Ví dụ, các doanh nghiệp Saemaul không được cung cấp các thông tin cập nhật về thị trường, công nghệ sản xuất, về chính sách ưu đãi tín dụng,... do đó hoạt động của các nhà máy Saemaul kém cạnh tranh và khó có thể phát triển bền vững.

Xây dựng mục tiêu kế hoạch cho các chương trình phát triển công nghiệp nông thôn tỏ ra quá tham vọng trong khi dung lượng thị trường, nguồn lực,... cho các doanh nghiệp nông thôn quá ít hoặc rất thiếu. Điều này cũng hạn chế thành công của các chương trình phát triển công nghiệp nông thôn vào những năm 1960 đến 1980;

Các chính sách khuyến khích ở nhiều nơi đã không tới được đối tượng cần khuyến khích. Theo Kim (1983 và 1991), các doanh nghiệp công nghiệp nông thôn, các nhà máy Saemaul chủ yếu tập trung ở các thành phố đô thị hay các thành phố vệ tinh của các trung tâm lớn như Seoul, Pusan và Daegu,... Chính vì vậy mà khả năng tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân ở các khu vực xa

trung tâm từ các doanh nghiệp nông thôn, hay nhà máy Saemaul là khá hạn chế.

Phát triển công nghiệp nông thôn thông qua việc chuyển các doanh nghiệp ở khu vực thành thị về nông thôn đã tỏ ra thiếu tính bền vững. Việc chuyển các doanh nghiệp công nghiệp từ thành thị về nông thôn đã lấy đi cơ hội của các doanh nghiệp nông thôn. Tuy nhiên, các doanh nghiệp thành thị đã tỏ ra khó hòa nhập với điều kiện thiếu nhiều dịch vụ và cơ sở hạ tầng ở khu vực nông thôn.

2. Bài học kinh nghiệm cho công nghiệp hóa nông thôn Việt Nam

2.1. Bối cảnh công nghiệp hóa nông thôn Việt Nam

Công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn được xác định lần đầu trong Nghị quyết của Đại hội VIII của Đảng (năm 1996), trong đó nhấn mạnh nội dung của công nghiệp hóa trong mấy năm cuối của thế kỷ XX là: "Đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn,...". Đại hội Đảng lần thứ IX tiếp tục khẳng định: "Tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn." và Đại hội Đảng lần thứ X và IX cũng xác định: "Đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân."

Từ lý luận và thực tiễn yêu cầu phát triển kinh tế đất nước, Việt Nam đã xác định phát triển nông nghiệp nông thôn gắn với sự phát triển của đất nước, và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn đóng vai trò quan trọng làm nền tảng cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hơn 15 năm thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, bộ mặt nông nghiệp nông thôn đã có sự thay đổi. Sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa ngày càng phát triển, đóng góp cho xuất khẩu ngày càng tăng; kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ nông thôn; đời sống của nhân dân vùng nông thôn được cải thiện rõ rệt (Ban

Chấp hành Trung ương, 2008). Tuy nhiên, sự phát triển của ngành nông nghiệp còn chưa bền vững, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp thiếu ổn định; sức cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp thấp, giá trị gia tăng thấp, tỷ trọng lao động trong nông nghiệp vẫn ở mức cao; công nghiệp, dịch vụ nông thôn phát triển chậm làm cho cơ cấu kinh tế ở khu vực nông thôn chuyển dịch chậm, cơ cấu lao động nông thôn cũng chậm thay đổi (Ban Chấp hành Trung ương, 2008). Thu nhập của dân cư ở khu vực nông thôn tăng lên nhanh hơn tốc độ tăng thu nhập cư dân thành thị và kết quả là làm giảm khoảng cách thu nhập giữa hai khu vực này. Trong những năm gần đây, khoảng cách thu nhập giữa hai khu vực này có xu hướng gia tăng trở lại (Tổng cục Thống kê, 2010).

Thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, nhiều giải pháp lớn đã được Chính phủ triển khai thông qua các chương trình và kế cả các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Tuy vậy, kết quả của chủ trương công nghiệp hóa nông thôn ở Việt Nam còn khiêm tốn.

Tỷ lệ lao động nông nghiệp có giảm nhưng còn chậm, tính trung bình mỗi năm giảm được 1,33% lao động trong ngành nông nghiệp.

Khoảng cách thu nhập giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp có giảm từ năm 1998 đến năm 2006 khi Việt Nam thực

hiện các chính sách đẩy mạnh công nghiệp hóa nông thôn. Tuy nhiên sau đó, khoảng cách thu nhập giữa hai khu vực tăng trở lại.

Công nghiệp hóa nông thôn gắn với đô thị hóa và quá trình này làm giảm tỷ lệ dân cư nông thôn. Tuy nhiên, ở Việt Nam tốc độ giảm dân cư nông thôn còn chậm, trung bình mỗi năm, Việt Nam giảm được 0,58% dân số ở khu vực nông thôn trong cả giai đoạn 1990-2011.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ 2011-2020 tiếp tục khẳng định mục tiêu đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; thực hiện phát triển toàn diện nông nghiệp, phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; xây dựng nông thôn mới. Điều này đặt vấn đề cho Việt Nam cần phải tiếp tục có những chính sách thực hiện công nghiệp hóa nông thôn phù hợp, đảm bảo cho sự thành công của quá trình này.

2.2. Kinh nghiệm từ phát triển công nghiệp nông thôn Hàn Quốc cho Việt Nam

Phát triển công nghiệp nông thôn của Hàn Quốc là một quá trình diễn ra liên tục, với nhiều chương trình khuyến khích công nghiệp nông thôn được triển khai. Có thể khẳng định, trong chừng mực nào đó, các chương trình Hàn Quốc thực hiện đã góp phần vào sự thành công của quá trình công nghiệp hóa nông thôn ở nước này.

BẢNG 2: So sánh một số chỉ tiêu của Hàn Quốc và Việt Nam tại thời điểm bắt đầu thực hiện công nghiệp hóa nông thôn

	Hàn Quốc (1967)	Việt Nam (1996)
Tỷ trọng GDP nông nghiệp (%)	32,4	25,1
Tỷ lệ dân số nông thôn (%)	64,3	70,0
Tỷ lệ lao động nông nghiệp (%)	34,0*	27,8
Thu nhập nông thôn/thành thị	0,83	0,44
Số máy nông nghiệp/100 km ² đất canh tác (chiếc)	0,2	197,2
GDP bình quân đầu người (USD giá năm 2000)	1514	332

* Số này thu thập ở năm 1980.

Nguồn: Tổng hợp từ Ngân hàng Thế giới (2012).

Tại thời điểm tiến hành phát triển công nghiệp nông thôn của Hàn Quốc và Việt Nam, hai nước có nhiều sự tương đồng và ở một số khía cạnh, Việt Nam tỏ ra có ưu thế hơn. Chính vì vậy, sẽ là có cơ sở để cho rằng công nghiệp hóa nông thôn ở Việt Nam sẽ thành công. Trên cơ sở kinh nghiệm từ Hàn Quốc, có thể rút ra một số kinh nghiệm cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn ở Việt Nam.

Thứ nhất, phát triển công nghiệp nông thôn cần phải gắn với đảm bảo các điều kiện cho các doanh nghiệp nông thôn tồn tại và phát triển. Theo kinh nghiệm tại Hàn Quốc, phát triển công nghiệp nông thôn sẽ thất bại khi lao động, cơ sở hạ tầng, các dịch vụ phục vụ sản xuất,... ở nông thôn không đáp ứng được yêu cầu tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp nông thôn.

Thứ hai, việc tăng số lượng doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn nông thôn chỉ là điều kiện cần của quá trình công nghiệp hóa nông thôn. Muốn quá trình công nghiệp hóa nông thôn diễn ra bền vững phải tính tới các chính sách khuyến khích đi kèm, lồng ghép chính sách công nghiệp hóa nông thôn với chính sách công nghiệp hóa của quốc gia trong từng giai đoạn chiến lược. Vấn đề mấu chốt vẫn là hài hòa trong vấn đề phát triển giữa khu vực thành thị và nông thôn.

Thứ ba, phát triển công nghiệp nông thôn dựa trên dung lượng thị trường, nguồn lực tại địa phương hay nhu cầu và khả năng đáp ứng. Việc phát triển đồng đều mỗi xã có ít nhất một nhà máy Saemaul trong những năm 1970 là mệnh lệnh hành chính và không thành công ở các địa phương vùng sâu vùng xa, vì không có nguồn lực và các điều kiện hỗ trợ khác cho nhà máy Saemaul phát triển bền vững.

Thứ tư, cần phát triển công nghiệp nông thôn với quy mô và ngành nghề phù hợp. Ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa nông thôn, các ngành công nghiệp ở nông thôn tập trung chủ yếu là các hoạt động phi

nông nghiệp trong các hộ sản xuất nông nghiệp, sau đó chuyển sang dạng các doanh nghiệp công nghiệp, thương mại dịch vụ có quy mô nhỏ, gắn với sản phẩm nông nghiệp hoặc sử dụng nhiều lao động. Kinh nghiệm từ Hàn Quốc cho thấy quá trình công nghiệp hóa nông thôn khá thành công với cách lựa chọn các ngành này nó cũng được triển khai thành công ở Đài Loan và một số nước Châu Á.

Thứ năm, lựa chọn địa điểm tiến hành công nghiệp hóa phù hợp sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ công nghiệp hóa nông thôn. Kinh nghiệm từ Hàn Quốc chỉ ra rằng, tốc độ công nghiệp hóa nông thôn diễn ra mạnh mẽ ở các địa phương có hệ thống giao thông tốt, các khu vực ngoại ô của các thành phố (hay khu đô thị hóa). Công nghiệp hóa nông thôn theo các điểm nút có thể mang lại những kết quả lớn hơn nhiều so với ở các địa phương vùng sâu vùng xa.

Thứ sáu, phát triển công nghiệp nông thôn cần hướng đến các doanh nghiệp nông thôn địa phương hơn là các doanh nghiệp thành thị chuyển tới nông thôn. Kinh nghiệm từ Hàn Quốc cho thấy, phát triển doanh nghiệp nông thôn không thể bền vững khi các doanh nghiệp từ thành thị đẩy doanh nghiệp nông thôn và người nông dân ra khỏi quá trình phát triển. Kết quả là làm "bẩn cùng hóa" khu vực nông thôn. Đây là một kinh nghiệm quý từ trường hợp thất bại của các nhà máy Saemaul ở Hàn Quốc trong quá trình phát triển công nghiệp nông thôn của nước này.

3. Kết luận

Phát triển công nghiệp nông thôn là một chính sách được nhiều quốc gia đang phát triển thực hiện như là một chiến lược tăng thu nhập nông thôn, đảm bảo phát triển hài hòa giữa các khu vực trong nền kinh tế và thực hiện công nghiệp hóa đất nước. Đối với Hàn Quốc, quá trình phát triển công nghiệp nông thôn diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế đã có những chuyển biến đáng kể sau khi Chính phủ thực hiện kế hoạch phát triển

kinh tế - xã hội lần thứ nhất. Sự phát triển công nghiệp nông thôn ở Hàn Quốc đã góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn Hàn Quốc và đảm bảo cho phát triển hài hòa theo khu vực nông thôn - thành thị trong nền kinh tế Hàn Quốc.

Mặc dù nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ Chính phủ, quá trình phát triển công nghiệp nông thôn Hàn Quốc cũng có những vấn đề như: mục tiêu phát triển công nghiệp nông thôn không gắn với các chính sách hỗ trợ về lao động, giao thông, các dịch vụ tài chính đi kèm,... ở nhiều địa phương, các chính sách khuyến khích chưa tới được các đối tượng thụ hưởng chính của chính sách; các mục tiêu phát triển công nghiệp nông thôn ở một số địa phương lại tỏ ra quá tham vọng so với nguồn lực hiện có; một số địa phương nóng vội đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa nông thôn bằng cách chuyển doanh nghiệp công nghiệp ở thành thị về nông thôn và không thu được kết quả như mong muốn.

Với kinh nghiệm của Hàn Quốc, quá trình phát triển công nghiệp nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn Việt Nam có nhiều lợi thế, tiềm năng và cơ hội thành công. Vấn đề là Việt Nam cần nghiên cứu một cách nghiêm túc về điều kiện thực hiện, các công việc,

chính sách, lộ trình và thực hiện thận trọng phù hợp với bối cảnh của quá trình phát triển công nghiệp nông thôn Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2008). Nghị quyết 26/NQ-TW ngày 5/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Hà Nội.
2. Bộ Công thương Hàn Quốc (1993). Kết quả khảo sát các doanh nghiệp công nghiệp và khai khoáng.
3. Choe, Yang Boo (1978), Problem and situation of rural industry in Korea, Korea Rural Economics Institute.
4. Choe, Yang Boo and Tae Myung Kim (1981), Rural Industrialization in Korea: A critical assessment, Working Paper 40.
5. Kim, Jong Gie (1983), Rural industrialization in Korea: Current status and future policy direction, Working Paper 83-08. Korea development Institute.
6. Kim, Jong Gie (1991), Rural industrialization in Korea: Past performance and future direction, Working Paper, Korea development Institute.
7. Ngân hàng Thế giới (2012). World Development Indicators, Online version.
8. Tổng cục Thống kê (2010), Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2008, Nxb Thống kê.
9. Tổng cục Thống kê (2011), Kết quả khảo sát doanh nghiệp Việt Nam năm 2010, Nxb Thống kê.